

Số: 1536/ĐA-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2024

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2024
(Thay thế đề án số 1334/ĐA-TĐHYKPNT, ngày 29 tháng 5 năm 2024)

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

2. Mã trường: TYS

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

- Số 02 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (Trụ sở chính).

- Số 461 Sur Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số 01 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số 04 Trần Hữu Nghiệp, Ấp 1, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://www.pnt.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): không có.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (028) 38 625 706

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đường dẫn công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://www.pnt.edu.vn/vi/cong-khai-theo-thong-tu-36-2017-tt-bgdtd/tong-hop-ket-qua-dieu-tra-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-tot-nghiep>

Ngành đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên phản hồi khảo sát	Tỷ lệ có việc làm / số lượng phản hồi
Y khoa	750	749	825	534	99,63%
Dược học	50	51	43	40	100%
Điều dưỡng	150	143	115	92	100%
Dinh dưỡng	60	57	44	28	89,29%
Răng Hàm Mặt	30	28	26	15	100%
Kỹ thuật xét nghiệm y học	50	55	44	29	93,10%

Ngành đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên phản hồi khảo sát	Tỷ lệ có việc làm / số lượng phản hồi
Kỹ thuật hình ảnh y học	40	41	40	30	96,67%
Khúc xạ nhãn khoa	30	31	15	10	90,00%
Y tế công cộng	50	53	29	18	100%
Tổng cộng	1210	1208	1181	796	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

Đường dẫn công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

TT	Ngành đào tạo	Năm 2022			Năm 2023		
		Chỉ tiêu	Số sinh viên nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số sinh viên nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Y khoa	660	708	25,85	660	706	25,90
2	Dược học	90	88	25,45	90	89	25,25
3	Điều dưỡng	200	180	19,00	250	232	22,40
4	Dinh dưỡng	60	61	18,10	60	56	21,80
5	Răng Hàm Mặt	84	91	26,10	90	99	26,00
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	50	50	24,20	50	50	24,47
7	Kỹ thuật hình ảnh y học	40	48	21,70	40	34	23,45
8	Kỹ thuật phục hồi chức năng	30	24	19,00	30	30	23,09
9	Khúc xạ nhãn khoa	40	38	22,80	40	38	23,57
10	Y tế công cộng	56	32	18,35	56	46	18,35
	Tổng cộng	1310	1320		1366	1380	

Lưu ý: Số lượng nhập học các ngành Y khoa, Dược học và Răng Hàm Mặt đã bao gồm lưu học sinh nước ngoài.

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường dẫn công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/van-ban-mau-bieu/cac-quyet-dinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Y khoa	7720101	59CT	15/03/1989	1168/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Hội đồng Bộ trưởng	1989	2023
2	Y học cổ truyền	7720115	1631/QĐ-BGDĐT	17/06/2024	-	-	Bộ GDĐT	2024	-
3	Dược học	7720201	1750/QĐ-BGDĐT	18/05/2017	1168/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GDĐT	2017	2023
4	Điều dưỡng	7720301	380/QĐ-BGDĐT	25/01/2010	1168/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GDĐT	2010	2023
5	Hộ sinh	7720302	4318/QĐ-BGDĐT	04/12/2023	-	-	Bộ GDĐT	2024	-
6	Dinh dưỡng	7720401	2716/QĐ-BGDĐT	27/07/2018	-	-	Bộ GDĐT	2018	2023
7	Răng Hàm Mặt	7720501	2392/QĐ-BGDĐT	08/07/2015	1168/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GDĐT	2015	2023
8	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	1006/QĐ-BGDĐT	21/03/2013	1168/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GDĐT	2013	2023
9	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	1006/QĐ-BGDĐT	21/03/2013	1168/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GDĐT	2013	2023
10	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	863/QĐ-BGDĐT	28/03/2022	-	-	Bộ GDĐT	2022	2023
11	Khúc xạ nhãn khoa	7720699	3549/QĐ-BGDĐT	09/09/2014	1168/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GDĐT	2014	2023
12	Y tế công cộng	7720701	2392/QĐ-BGDĐT	08/07/2015	1168/QĐ-BGDĐT	27/03/2018	Bộ GDĐT	2015	2023

* Bộ GDĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng:

Đường dẫn công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://pnt.edu.vn/vi/cong-khai-theo-thong-tu-36-2017-tt-bgdtd>

Thông tin chi tiết tại phụ lục (đính kèm).

11. Đường dẫn công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-2024>

12. Đường dẫn công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/van-ban-mau-bieu/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-cua-truong-dai-hoc-y-khoa-pham-ngoc-thach>

II. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.1. Đối tượng: Người đã được công nhận tốt nghiệp Trung học Phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

1.2. Điều kiện đăng ký tuyển sinh.

Với các điều kiện đăng ký xét tuyển cụ thể từng mã ngành tuyển sinh tại mục này, sau khi có kết quả trúng tuyển, Trường sẽ kiểm tra hồ sơ nhập học. Nếu thí sinh không đáp ứng đầy đủ và chính xác thông tin đăng ký hồ sơ xét tuyển, Trường có quyền từ chối hồ sơ nhập học.

a. Điều kiện đăng ký xét tuyển chung cho tất cả các ngành tuyển sinh:

- Xếp loại hạnh kiểm năm học lớp 12 của Trung học Phổ thông từ loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đầy đủ và chính xác thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

b. Điều kiện đăng ký xét tuyển ngành Khúc xạ nhãn khoa:

Điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông môn Ngoại ngữ là tiếng Anh đạt từ điểm 7,0 trở lên.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm 2024, mã phương thức xét tuyển: 100.

- Xét tuyển thẳng, mã phương thức xét tuyển: 303.

- Ưu tiên xét tuyển, mã phương thức xét tuyển: 500.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh.

- Tổng chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh năm 2024: 1530 chỉ tiêu, cụ thể các ngành như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổng chỉ tiêu dự kiến
1	7720101	Y khoa	660
2	7720115	Y học cổ truyền	50
3	7720201	Dược học	95
4	7720301	Điều dưỡng	300
5	7720302	Hộ sinh	30
6	7720401	Dinh dưỡng	60
7	7720501	Răng Hàm Mặt	95
8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	50
9	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	50
10	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	30
11	7720699	Khúc xạ nhãn khoa	50
12	7720701	Y tế công cộng	60
		Tổng cộng	1530

- Chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ theo các phương thức như sau:
 - + Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông: 1426 chỉ tiêu.
 - + Xét tuyển thẳng: 34 chỉ tiêu.
 - + Ưu tiên xét tuyển: 70 chỉ tiêu (đối tượng Lưu học sinh Lào – Campuchia diện

Nghị định thư).

- Để đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh của Trường, chỉ tiêu của các phương thức có thể được xét bù cho nhau khi xét theo ngành.

Bảng chỉ tiêu theo ngành và theo từng phương thức xét tuyển

Số TT	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh	Tổng chỉ tiêu dự kiến	Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông				Chỉ tiêu tuyển thẳng	Chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển
				Chỉ tiêu	Tổ hợp môn 1	Tổ hợp môn 2	Tổ hợp môn 3		
1	7720101	Y khoa	660	590	B00	-	-	10	60
2	7720115	Y học cổ truyền	50	48	B00	-	-	2	-
3	7720201	Dược học	95	88	B00	-	-	2	5
4	7720301	Điều dưỡng(*)	300	296	B00	B03	-	4	-
5	7720302	Hộ sinh	30	28	B00	-	-	2	-
6	7720401	Dinh dưỡng	60	58	B00	-	-	2	-
7	7720501	Răng Hàm Mặt	95	88	B00	-	-	2	5

Số TT	Mã ngành tuyển sinh	Tên ngành tuyển sinh	Tổng chỉ tiêu dự kiến	Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông				Chỉ tiêu tuyển thẳng	Chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển
				Chỉ tiêu	Tổ hợp môn 1	Tổ hợp môn 2	Tổ hợp môn 3		
8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	50	48	B00	-	-	2	-
9	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	50	48	B00	A00	-	2	-
10	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	30	28	B00	-	-	2	-
11	7720699	Khúc xạ nhãn khoa (**)	50	48	B00	A00	-	2	-
12	7720701	Y tế công cộng	60	58	B00	A00	B03	2	-
Tổng cộng			1530	1426				34	70

(*) Bao gồm các chuyên ngành Điều dưỡng Đa khoa, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Điều dưỡng chuyên ngành Cấp cứu ngoài bệnh viện.

(**) Thí sinh đăng ký ngành này phải đảm bảo điều kiện điểm thi Tốt nghiệp Trung học Phổ thông môn Ngoại ngữ là Tiếng Anh đạt từ điểm 7,0 trở lên.

Các môn thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông theo tổ hợp môn xét tuyển:

- Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học.
- Tổ hợp B03: Toán, Sinh học, Ngữ văn.
- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch quy định.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường:

- Mã trường: TYS
- Nguyên tắc xét tuyển:
 - Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, các nguyện vọng được sắp xếp thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.
 - Thí sinh chỉ chọn mã ngành tuyển sinh, hệ thống sẽ chọn tổ hợp môn để thực hiện xét tuyển.

- Tổng điểm xét tuyển: là tổng điểm các bài thi theo tổ hợp môn xét tuyển theo thang điểm 30 (không có hệ số) và tổng điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển nhưng không thấp hơn điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của mã tuyển sinh ngành tương ứng (nếu có).

- Nguyên tắc xác định điểm ưu tiên:

- Trường hợp thí sinh có chứng chỉ Ngoại ngữ theo đúng quy định được miễn thi Tốt nghiệp Trung học Phổ thông môn Ngoại ngữ và thông tin chứng chỉ được cập nhật đầy đủ tại Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì được quy đổi thành 10,0 điểm khi xét các điều kiện liên quan đến điểm thi môn Ngoại ngữ.

- Trường không giải quyết các trường hợp thí sinh không cập nhật thông tin chứng chỉ Ngoại ngữ vào hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên được xác định theo văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024.

- Tổng điểm ưu tiên: bao gồm điểm đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên được tính theo thang điểm 10 (không nhân hệ số). Tổng điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm tổ hợp môn xét tuyển từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm tổ hợp môn xét tuyển đạt được)/7,5] × Tổng điểm đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên được quy định theo quy chế tuyển sinh của Trường.

- Tiêu chuẩn phụ: dùng để xét trong trường hợp các thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau, được xếp ưu tiên theo thứ tự sau:

- Điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông môn Ngoại ngữ theo quy chế kỳ thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm 2024.

- Điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông môn Văn năm 2024.

7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (thông qua cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024.

8. Xét tuyển thẳng.

Các đối tượng tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, được cụ thể cho năm 2024 như sau:

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành: Y khoa, Y học cổ

truyền, Răng Hàm Mặt, Dược học, Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Dinh dưỡng, Khúc xạ nhãn khoa.

b. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học, Vật lý, Ngữ văn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, được tuyển thẳng vào một trong các ngành, cụ thể:

- Giải nhất, nhì một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học: Y khoa, Y học cổ truyền, Răng Hàm Mặt, Dược học, Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng, Dinh dưỡng, Khúc xạ nhãn khoa.

- Giải ba một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học: Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng, Dinh dưỡng, Khúc xạ nhãn khoa.

- Giải nhất, nhì, ba môn Vật lý: Kỹ thuật hình ảnh y học, Khúc xạ nhãn khoa, Y tế công cộng.

- Giải nhất, nhì, ba môn Ngữ văn: Điều dưỡng, Y tế công cộng.

Lưu ý:

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng phải đảm bảo các điều kiện được quy định tại mục 1.1 khoản 1 phần II.

- Thí sinh tại điểm a và điểm b khi chọn ngành Khúc xạ nhãn khoa phải có điểm thi Tốt nghiệp Trung học Phổ thông môn Ngoại ngữ là tiếng Anh đạt từ điểm 7,0 trở lên hoặc tương đương.

- Thí sinh tại điểm b thời gian đạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

8.1. Chỉ tiêu tuyển thẳng: 34 chỉ tiêu, chi tiết tại bảng chỉ tiêu (khoản 4 phần II).

8.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

Thí sinh chuẩn bị hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng.

- Bản sao có công chứng hoặc chứng thực sao y các giấy tờ minh chứng tại các điểm a, b của khoản 8 phần II.

- 01 bản sao Căn cước công dân có công chứng hoặc chứng thực sao y.

8.3. Thủ tục đăng ký, công bố kết quả, xác nhận nhập học đối với thí sinh trúng tuyển thẳng:

- Thí sinh đăng ký hồ sơ tuyển thẳng bằng hình thức gửi thư hoặc nộp trực tiếp tại Trường.

- Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo kế hoạch chung.

- Thí sinh trúng tuyển thẳng có thể xác nhận nhập học sớm (khi đủ điều kiện), hoặc theo kế hoạch chung như những thí sinh khác; Trường không yêu cầu bắt buộc thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

- Thí sinh trúng tuyển thẳng chưa xác nhận nhập học vẫn được sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên hệ thống chung để có thêm cơ hội trúng tuyển như những thí sinh khác.

Lưu ý:

Trường hợp số lượng thí sinh nộp vượt quá chỉ tiêu tuyển thẳng theo từng ngành, Hội đồng tuyển sinh sẽ xét ưu tiên lần lượt theo thứ tự các đối tượng từ điểm a đến điểm b và xét tiêu chí phụ là điểm thi môn Ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm 2024.

Thí sinh xác nhận nhập học bằng phương thức xét tuyển thẳng thì không được tham gia xét tuyển bằng các hình thức khác.

9. Ưu tiên xét tuyển.

Đối tượng là lưu học sinh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia được cử đi học tại Việt Nam theo hình thức Nghị định thư hỗ trợ đào tạo của Việt Nam.

9.1. Chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển: 70 chỉ tiêu, chi tiết tại bảng chỉ tiêu (khoản 4 phần II).

9.2. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển

- Có quyết định được cử đi học của Bộ Giáo dục và Thể thao đối với lưu học sinh Lào và Bộ Giáo dục, Thanh niên và Thể thao đối với lưu học sinh Campuchia.

- Có hồ sơ và sức khỏe đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Thông tư 30/2018/TT-BGDĐT (Điều kiện về học vấn, chuyên môn; Điều kiện về sức khỏe và tuổi; Điều kiện về ngôn ngữ).

- Bản sao Hộ chiếu.

10. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường sẽ thông báo theo quy định chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

Đơn vị tính: đồng (VNĐ)

Ngành học	Năm học 2023 –2024	Năm học 2024 – 2025
Y khoa Y học cổ truyền Dược học Răng Hàm Mặt	01 tháng: 5.520.000 đồng (01 năm học là 10 tháng)	01 tháng: 5.520.000 đồng (01 năm học là 10 tháng)

Ngành học	Năm học 2023 –2024	Năm học 2024 – 2025
Điều dưỡng Hộ sinh Dinh dưỡng Kỹ thuật xét nghiệm y học Kỹ thuật hình ảnh y học Kỹ thuật phục hồi chức năng Khúc xạ nhãn khoa Y tế công cộng	01 tháng: 3.164.000 đồng (01 năm học là 10 tháng)	01 tháng: 4.180.000 đồng (01 năm học là 10 tháng)

Học phí trên chưa bao gồm 02 học phần bắt buộc: Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh được thu theo quy định hiện hành.

Đây là đơn giá học phí dự kiến sẽ được áp dụng trong năm học 2024 – 2025, để đáp ứng nhu cầu cao về chất lượng nhân lực y tế khi tốt nghiệp đại học, Trường tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất, tăng cường các chương trình hợp tác nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực thực hành tại các cơ sở y tế, năng lực Ngoại ngữ phục vụ cho sự phát triển nghề nghiệp của người học. Đơn giá học phí có thể được điều chỉnh tăng tối đa 15% cho năm học tiếp theo (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

12. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Trường năm 2023: 436.800.000.000 đồng.

13. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh (2023): 43.039.000 đồng.

14. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

Nhà Trường sẽ công bố trên trang thông tin của Trường khi có nhu cầu xét tuyển bổ sung (nếu có).

15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)/.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban Nhân dân TP.HCM;
- ĐU và HĐT (để b/c);
- HT và các PHT (để biết);
- Lưu VT, QLĐTĐH, (QH_9b).

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp